

NGÂN HÀNG CÂU HỎI ÔN THI HỘI THAO GDQP-AN

Bài 1. BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Câu 1. Cho thông tin sau: “Một nội dung về quan điểm Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới là giữ vững (...) đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”. Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (...) trong câu trên:

- A. Sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng
- B. Sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng
- C. Sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng**
- D. Sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện về mọi mặt của Đảng

Câu 2. Cho thông tin sau: “Những ai tôn trọng (...), thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác. Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (.....) trong câu trên:

- A. Độc lập, chủ quyền**
- B. Độc lập, tự do
- C. Độc lập, tự quyết, tự do - Bạn
- D. Độc lập, chủ quyền, tự do

Câu 3. Cho thông tin sau: “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới nêu: bất kỳ thế lực nào có âm mưu hành động chống phá (...) trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng của chúng ta”. Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (.....) trong câu trên:

- A: hoà bình của nước ta
 - B: độc lập, tự do của nước ta
 - C: mục tiêu của nước ta**
 - D: chế độ xã hội chủ nghĩa của nước ta
- Em hãy nhận xét các ý kiến trên.

Câu 4. Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới nêu: Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là (...). Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (...) trong câu trên:

- A: đối tác**
- B: đối tượng
- C: bạn bè
- D: đồng chí

Câu 5. Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới nêu: Bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là (...). Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (...) trong câu trên:

- A: kẻ thù của chúng ta
- B: thù địch của chúng ta
- C: đối tượng của chúng ta**
- D: đối thủ của chúng ta

Câu 6. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 quy định về

A. ranh giới lãnh hải, vùng tiếp giáp, thềm lục địa; giải quyết các tranh chấp trên biển; bảo vệ môi trường biển.

B. ranh giới lãnh hải, vùng tiếp giáp, thềm lục địa; vùng biển dùng chung; giải quyết các tranh chấp trên biển; bảo vệ môi trường biển.

C. ranh giới lãnh hải, vùng tiếp giáp, thềm lục địa; vùng biển dùng chung; bảo vệ môi trường biển.

D. ranh giới lãnh hải, vùng tiếp giáp, thềm lục địa; vùng biển dùng chung; giải quyết các tranh chấp trên biển.

Câu 7. Luật Biển Việt Nam được Quốc hội thông qua

A. ngày 21-6-2011 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2012.

B. ngày 21-6-2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2013.

C. ngày 21-6-2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2014.

D. ngày 21-6-2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2015.

Câu 8. Cho thông tin sau: “Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc (...) của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (...) trong câu trên:

A: chủ quyền và quyền chủ quyền quốc gia

B: quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia

C: chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia

D: chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lãnh thổ

Câu 9. Cho thông tin sau: “Luật Biển Việt Nam quy định đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, (...) thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển; quản lý và bảo vệ biển, đảo”. Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (.....) trong câu trên:

A: các đảo, quần đảo

B: các đảo, bán đảo và quần đảo

C: các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và bán đảo

D: các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác

Câu 10. Lãnh hải là vùng biển tính từ đường cơ sở ra phía biển là

A. 12 hải lý.

B. 24 hải lý.

C. 188 hải lý.

D. 388 hải lý.

Câu 1.17. Vùng tiếp giáp lãnh hải của Việt Nam, là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài ranh giới ngoài của lãnh hải có chiều rộng bao nhiêu hải lý ?

A. 12 hải lý.

B. 212 hải lý.

C. 224 hải lý.

D. 350 hải lý.

Câu 11. Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng tính từ đường cơ sở là

A. 212 hải lý.

B. 200 hải lý.

C. 224 hải lý.

D. 350 hải lý.

Câu 12. Ranh giới ngoài thềm lục địa cách đường cơ sở không quá

A. 24 hải lý.

B. 200 hải lý.

C. 224 hải lý.

D. 350 hải lý.

Câu 13. Khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng tính từ biên giới quốc gia trở vào là

A. 25 km.

B. 20 km.

C. 15 km.

D. 10 km.

Câu 14. Việt Nam có hai quần đảo xa bờ là

A. Hoàng Sa và Thổ Chu.

B. Hoàng Sa và Trường Sa.

C. Trường Sa và Phú Quý.

D. Thổ Chu và Phú Quý.

Câu 15. Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng

A. một mốc quốc giới duy nhất.

B. các tọa độ trên hải đồ.

C. hệ thống mốc quốc giới.

D. hệ tọa độ trên đất liền.

Câu 16. Đây là nội dung mục tiêu của Đảng về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới ?

A. Phát huy cao nhất sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại.

B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

C. Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ; đồng thời chủ động tích cực hội nhập quốc tế.

D. Luôn nhất quán và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với phát triển đất nước

Câu 17. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng quan điểm chỉ đạo của Đảng về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới ?

A. Giữ vững sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng.

B. Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

C. Chú trọng xây dựng sức mạnh của đất nước về văn hóa - xã hội.

D. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 18. Luật Biển Việt Nam năm 2012 bao gồm

A. 320 điều và 9 phụ lục.

B. 7 chương với 55 điều.

C. 9 chương với 62 điều.

D. 36 điều và 8 phụ lục.

Câu 19. Theo quy định trong Luật Biển Việt Nam năm 2012: vùng biển quốc tế là tất cả các vùng biển nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam và các quốc gia khác, nhưng không bao gồm

A. vùng nội thủy và tiếp giáp lãnh hải.

B. lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải.

C. thềm lục địa và lòng đất dưới đáy biển.

D. đáy biển và lòng đất dưới đáy biển.

Câu 20. “Mặt phẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất” - đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Biên giới quốc gia trên biển.

B. Biên giới quốc gia trên không.

C. Biên giới quốc gia trên đất liền.

D. Biên giới quốc gia trong lòng đất.

Câu 21. Hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm trong bảo vệ biên giới quốc gia của Việt Nam?

A. Phá hoại an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

B. Bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và lợi ích quốc gia.

C. Vận chuyển qua biên giới hàng hóa mà nhà nước không cấm.

D. Tổ giác những hành vi gây hư hại, làm xê dịch mốc quốc giới.

Câu 22. Ở Việt Nam, Ngày biên phòng toàn dân được tổ chức vào

A. ngày 03 tháng 03 hằng năm.

B. ngày 07 tháng 03 hằng năm.

C. ngày 22 tháng 12 hằng năm.

D. ngày 19 tháng 08 hằng năm.

Câu 23. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng trách nhiệm của công dân trong việc quản lý, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia?

A. Chấp hành các quy định của pháp luật về biên giới quốc gia.

B. Xây dựng, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

C. Vận chuyển qua biên giới những văn hóa phẩm độc hại.

D. Tham gia phong trào tự quản đường biên, mốc quốc giới.

Câu 24. Một trong những quan điểm chỉ đạo của Đảng về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới là

A. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

B. Coi ngoại lực là nhân tố quyết định mọi thắng lợi, thành công

C. Chỉ chú trọng xây dựng sức mạnh của đất nước về văn hóa - xã hội

D. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: kháng chiến và kiến quốc

Câu 25. Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 bao gồm

A. 36 điều và 8 phụ lục

B. 320 điều và 9 phụ lục

C. 7 chương với 55 điều

D. 9 chương với 62 điều

Câu 26. Theo quy định trong Luật Biển Việt Nam năm 2012, vùng biển Việt Nam gồm bao nhiêu bộ phận?

A. 4 bộ phận

B. 5 bộ phận

C. 6 bộ phận

D. 3 bộ phận

Câu 27. Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng

- A. Một mốc quốc giới duy nhất
B. Hệ tọa độ trên đất liền
C. Hệ thống mốc quốc giới
D. Các tọa độ trên hải đồ

Câu 28. Việt Nam có đường biên giới chung trên đất liền với những quốc gia nào?

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia**
B. Mianma, Malaixia, Indônêxia
C. Lào, Campuchia, Thái Lan
D. Lào, Thái Lan, Philippin

Câu 29. Trong buổi nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong, Bác Hồ đã căn dặn: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Bác nói câu này vào thời gian nào?

- A. 29/9/1955
B. 29/9/1954
C. 19/9/1955
D. 19/9/1954

Câu 30. Bạn M, bạn K và bạn D cùng đi tham quan một xã có khu vực biên giới trên đất liền. Bạn M rủ cả nhóm đến cột mốc quốc giới rồi dùng flycam bay chụp ảnh từ trên cao ở khu vực cột mốc, flycam bay qua biên giới và bỗng bị rơi xuống. Bạn K thấy thế vội chạy sang nhặt flycam. Hỏi, những ai là người vi phạm Luật Biên giới quốc gia?

- A. Bạn K và bạn D
B. Bạn M và bạn D
C. Bạn M và bạn K
D. Bạn D

Câu 31. “Mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời” đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Biên giới quốc gia trên không**
B. Biên giới quốc gia trên đất liền
C. Biên giới quốc gia trên biển
D. Biên giới quốc gia trong lòng đất

Câu 32. Biên giới trên đất liền của nước ta giáp với nước nào là dài nhất

- A. Trung Quốc
B. Lào
C. Campuchia
D. Trung Quốc và Campuchia

Câu 33. Việt Nam chúng ta có mấy mốc quốc giới hình trụ tam giác đánh dấu biên giới chung trên đất liền giữa 3 quốc gia ?

- A.1
B. 2
C.3
D.4

BÀI 2 : LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

Câu 2.1. Cho thông tin sau: “Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, không phân biệt (. . .) phải thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự”. Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (...) trong câu trên:

- A. dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn
B. dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp.
C. dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú
D. dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú, nơi làm việc

Câu 2.2. Theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, đối tượng đăng kí nghĩa vụ quân sự gồm:

- A. công dân đủ 17 tuổi trở lên có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân.
B. công dân nam đủ 18 tuổi trở lên có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân.

C. công dân nam đủ 17 tuổi trở lên và công dân nữ đủ 18 tuổi trở lên.

D. công dân nữ đủ 18 tuổi trở lên có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân và công dân nam đủ 17 tuổi trở lên.

Câu 2.3. Trong các trường hợp sau, trường hợp nào được đăng kí nghĩa vụ quân sự?

A. Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên nhưng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

B. Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên đang chấp hành hình phạt quản chế.

C. Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xoá án tích.

D. Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Câu 2.4. Hằng năm, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện ra lệnh gọi công dân đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu vào ?

A. tháng Hai. **B. tháng Ba.** C. tháng Tư.

D. tháng Năm.

Câu 2.5. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chuyển Lệnh gọi đăng kí nghĩa vụ quân sự đến công dân cư trú tại địa phương trước thời hạn đăng kí nghĩa vụ quân sự

A. 5 ngày. B. 7 ngày. **C. 10 ngày.** D. 15 ngày.

Câu 2.6. Học sinh trực tiếp đăng kí nghĩa vụ quân sự tại

A. Tổ dân phố hoặc thôn.

B. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

C. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

D. nhà trường nơi đang học.

Câu 2.7. Công dân được gọi nhập ngũ khi

A. đủ 17 tuổi. **B. đủ 18 tuổi.** C. 17 tuổi. D. 18 tuổi.

Câu 2.8. Độ tuổi gọi nhập ngũ của công dân

A. từ đủ 17 tuổi đến hết 25 tuổi.

B. từ đủ 17 tuổi đến hết 27 tuổi.

C. từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi.

D. từ đủ 18 tuổi đến hết 27 tuổi.

Câu 2.9. Công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến

A. hết 25 tuổi.

B. hết 26 tuổi.

C. hết 27 tuổi.

D. hết 28 tuổi.

Câu 2.10. Cho thông tin sau: “Công dân được gọi nhập ngũ khi có đủ các tiêu chuẩn sau: lí lịch rõ ràng; chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; (...); trình độ văn hoá phù hợp”. Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (.....) trong câu trên để hoàn chỉnh quy định về tiêu chuẩn công dân được gọi nhập ngũ theo quy định tại Luật Nghĩa vụ quân sự là:

A. đủ sức khoẻ phục vụ tại ngũ theo quy định

B. đủ sức khoẻ

C. đủ sức khoẻ phục vụ trong quân đội

D. đủ sức khoẻ làm chiến sĩ

Câu 2.11. Hồ sơ đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu gồm:

A. Phiếu tự khai sức khoẻ nghĩa vụ quân sự; bản chụp căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh.

B. Bản chụp học bạ học sinh, Phiếu tự khai sức khoẻ nghĩa vụ quân sự.

C. Phiếu tự khai sức khoẻ nghĩa vụ quân sự, bản chụp Sổ danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm.

D. Phiếu tự khai sức khoẻ nghĩa vụ quân sự, bản chụp Sổ đăng kí công dân sẵn sàng nhập ngũ.

Câu 2.12. Hằng năm, công dân thuộc diện gọi nhập ngũ được gọi khám sức khoẻ trong khoảng thời gian

A. từ ngày 01 tháng 10 đến hết ngày 30 tháng 11.

B. từ ngày 01 tháng 11 đến hết ngày 30 tháng 11.

C. từ ngày 01 tháng 11 đến hết ngày 31 tháng 12.

D. từ ngày 01 tháng 12 đến hết ngày 31 tháng 12.

Câu 2.13. Hằng năm, gọi công dân nhập ngũ một lần vào

A. tháng Một. B. tháng Hai. C. tháng Một hoặc tháng Hai. **D. tháng Hai hoặc tháng Ba.**

Câu 2.14. Hằng năm, gọi công dân nhập ngũ lần thứ hai trong trường hợp cần thiết vì lý do

A. quốc phòng, an ninh. B. xảy ra thảm họa. C. dịch bệnh nguy hiểm. D. dịch bệnh.

Câu 2.15. Công dân được tạm hoãn gọi nhập ngũ nếu là một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động

A. từ 21 % đến 40%.

C. từ 61% đến 80%.

B. từ 41 % đến 60%.

D. từ 81 % trở lên.

Câu 2.16. Công dân được miễn gọi nhập ngũ nếu là một con của

A. bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61 % trở lên.

B. bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81 % trở lên.

C. người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61 % trở lên.

D. người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 41 % trở lên.

Câu 2.17. Công dân được miễn gọi nhập ngũ nếu là một con của

A. người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81 % trở lên.

B. người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61 % trở lên.

C. bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61 % trở lên.

D. bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41 % trở lên.

Câu 2.18. Công dân là dân quân thường trực được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình khi có ít nhất

A. 48 tháng phục vụ.

B. 36 tháng phục vụ.

C. 24 tháng phục vụ.

D. 18 tháng phục vụ.

Câu 2.19. Công dân được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình nếu hoàn thành nhiệm vụ tham gia Công an xã liên tục từ

A. đủ 60 tháng trở lên.

B. đủ 42 tháng trở lên.

C. đủ 36 tháng trở lên.

D. đủ 24 tháng trở lên.

Câu 2.20. Công dân được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình nếu phục vụ trên tàu kiểm ngư

A. đủ 48 tháng trở lên.

B. đủ 48 tháng trở lên.

C. đủ 36 tháng trở lên.

D. đủ 24 tháng trở lên.

Câu 2.21. Thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ trong thời bình là

A. 12 tháng.

B. 18 tháng.

C. 24 tháng.

D. 30 tháng.

Câu 2.22. Trong thời bình, trường hợp đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh, thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ được kéo dài nhưng không quá

A. 3 tháng.

B. 6 tháng.

C. 9 tháng.

D. 12 tháng.

Câu 2.23. Chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng kí, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự được quy định tại

A. Nghị định số 13/2015/NĐ-CP ngày 19-02-2015 của Chính phủ.

B. Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19-02-2016 của Chính phủ.

C. Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 19-02-2017 của Chính phủ.

D. Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 19-02-2018 của Chính phủ.

Câu 2.24. Một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được quy định tại

A. Nghị định số 27/2014/NĐ-CP ngày 06-4-2014 của Chính phủ.

B. Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 06-4-2015 của Chính phủ.

C. Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06-4-2016 của Chính phủ.

D. Nghị định số 27/2017/NĐ-CP ngày 06-4-2017 của Chính phủ.

Câu 2.25. Quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được nêu tại

A. Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 23-8-2016 của Chính phủ.

B. Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 23-8-2017 của Chính phủ.

C. Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 23-8-2018 của Chính phủ.

D. Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23-8-2019 của Chính phủ.

Câu 2.26. Cho thông tin sau: “Công dân nữ trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng kí nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Công an nhân dân, (.....) là đối tượng tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân”. Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (.....) trong câu trên để hoàn chỉnh quy định về đối tượng tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân là:

A. nếu tự nguyện

B. nếu Công an nhân dân có nhu cầu

C. nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu

D. nếu tự nguyện và Công an nhân dân yêu cầu

Câu 2.27. Độ tuổi tuyển chọn công dân và ngành nghề cần thiết để tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân do

A. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể.

B. Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ Bộ Công an quy định cụ thể.

C. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể.

D. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định cụ thể.

Câu 2.28. Các ý kiến dưới đây, ý nào là chính xác nhất ?

A. Công dân tham gia tuyển chọn để thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cần có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên hoặc bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (đối với công dân các xã miền núi, hải đảo, vùng đông bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn).

B. Công dân tham gia tuyển chọn để thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cần có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.

C. Công dân tham gia tuyển chọn để thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cần có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

D. Công dân tham gia tuyển chọn để thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cần có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên hoặc là công dân các xã miền núi, hải đảo, vùng đông bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế... xã hội đặc biệt khó khăn.

Câu 2.29. Hồ sơ tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân gồm:

A. Tờ khai đăng kí thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân Phiếu tự khai sức khoẻ nghĩa vụ quân sự.

B. Tờ khai đăng kí thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; Giấy chứng nhận đăng

kí nghĩa vụ quân sự.

C. Tờ khai đăng kí thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; Giấy chứng nhận đăng kí nghĩa vụ quân sự; bản chụp căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh.

D. Giấy chứng nhận đăng kí nghĩa vụ quân sự; Phiếu tự khai sức khỏe nghĩa vụ quân sự; bản chụp căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh.

Câu 2.30. Việc sơ tuyển về chiều cao, cân nặng, hình thể của công dân là đối tượng tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được tổ chức bởi ?

A. Công an cấp xã.

B. Công an cấp huyện.

C. Trung tâm y tế huyện có phòng khám đa khoa.

D. Trạm y tế xã.

Câu 2.31. Việc tuyển chọn và gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định được tiến hành bởi

A. Công an cấp huyện.

B. Công an cấp tỉnh.

C. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

D. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

Câu 2.32. Chế độ, chính sách đối với công dân tham dự tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trong thời gian thực hiện khám sức khỏe; hạ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong thời gian phục vụ tại ngũ và khi xuất ngũ được quy định tại

A. Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 23-8-2017 của Chính phủ.

B. Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 23-8-2018 của Chính phủ.

C. Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23-8-2019 của Chính phủ.

D. Nghị định số 70/2020/NĐ-CP ngày 23-8-2020 của Chính phủ.

Câu 33. Đâu không phải là nội dung các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện nghĩa vụ quân sự?

A. Chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

B. Xâm phạm thân thể, sức khỏe của hạ sĩ quan, binh lính.

C. Tôn trọng danh dự, nhân phẩm của hạ sĩ quan, binh lính.

D. Gian dối trong hoạt động khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

Câu 34. Hành vi gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự sẽ bị xử phạt bằng hình thức nào sau đây?

A. Cải tạo không giam giữ.

B. Tù không thời hạn.

C. Tù có thời hạn.

D. Phạt tiền.

Câu 35. Người nào có chức trách quyết định về độ tuổi tuyển chọn và ngành nghề cần thiết để tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân?

A. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

B. Bộ trưởng Bộ Công an.

C. Thủ tướng Chính phủ.

D. Chủ tịch nước.

Câu 36. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng tiêu chuẩn được gọi nhập ngũ của công dân Việt Nam?

A. Có lí lịch rõ ràng.

B. Đủ sức khỏe phụ vụ tại ngũ.

C. Tuân thủ pháp luật của nhà nước.

D. Không yêu cầu trình độ văn hóa.

Câu 37. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng trách nhiệm của công dân trong thực hiện nghĩa vụ quân sự?

A. Ngăn chặn các hành vi vi phạm quy định về đăng kí nghĩa vụ quân sự.

B. Có mặt đúng thời gian quy định trong giấy gọi khám, kiểm tra sức khỏe.

C. Làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

D. Chấp hành quy định của pháp luật về đăng kí và thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Câu 38. Công dân thuộc trường hợp nào sau đây được tạm hoãn gọi nhập ngũ?

A. Đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học

B. Đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe

C. Có người thân bị suy giảm khả năng lao động từ 40 đến 60%

D. Có anh, chị hoặc em họ là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ

Câu 39. Anh C đang chuẩn bị vào trường Đại học A tuy nhiên hiện tại anh C lại muốn thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân. Như vậy anh có được tham gia không? Ngoài ra, anh C chưa đăng ký nghĩa vụ lần nào do không nhận được giấy báo, vậy liệu anh C có bị phạt?

A. Anh C không được tham gia và không bị phạt hành chính

B. Anh C được tham gia và bị phạt hành chính

C. Anh C được tham gia nếu bổ sung giấy đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu và không bị phạt hành chính

D. Anh C không được tham gia và bị phạt hành chính

BÀI 3: PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Câu 3.1. Cho thông tin sau: “Tội phạm là (.....) được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự”. Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ () trong câu trên:

A. hành vi nguy hiểm

B. hành vi nguy hiểm cho xã hội

C. hành vi nguy hiểm cho xã hội và con người

D. hành vi nguy hiểm cho xã hội và sự sống của con người

Câu 3.2. Cách thức hoạt động nào sau đây không phải là cách thức hoạt động phổ biến của tội phạm?

A. Câu kết thành các băng nhóm, tổ chức. Sử dụng công nghệ cao

B. Lưu động trên phạm vi một hoặc nhiều tỉnh, thành phố

C. Hoạt động công khai, cho nhiều người biết, không giấu giếm

D. Sử dụng vũ khí, công cụ, phương tiện, thủ đoạn giả mạo, giả danh, gian dối.

Câu 3.3. Cho thông tin sau: “Tội phạm sử dụng công nghệ cao là những hành vi vi phạm pháp luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, sử dụng () ở trình độ cao cố ý xâm

phạm đến trật tự, an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lý hình sự”. Em hãy điền từ ngữ đúng nhất vào chỗ (.....) trong câu trên để hoàn chỉnh khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao là:

A. tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

B. tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin

C. tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện